TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2019/HS-ST.
Ngày 29-10-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Việt Trinh;

Ông Trần Công Đẳng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên tòa án Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Văn K, sinh năm: 1979, tại xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau; HKTT: Ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H và bà Nguyễn Thị K; bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đặng Văn N, sinh năm 1980, tại xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau; HKTT: Ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Làm vuông; trình độ văn hoá (học vấn) 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Điệp Văn T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì không có tiền tiêu xài nên bị cáo Đặng Văn N rủ bị cáo Trương Văn K đến nhà anh Điệp Văn T để trộm tiền do bị cáo N biết anh T mới hốt hụi, bị cáo K đồng ý.

Đến khoảng 0 giờ ngày 14/5/2019, hai bị cáo đến nhà anh T nhưng do anh T còn thức nên cả hai ra bờ vuông ngồi đợi anh T ngủ. Sau nhiều lần xem xét đến lần thứ tư hai bị cáo vào được nhà của Tào do anh T đã ngủ. Hai bị cáo đi đến phòng khách, bị cáo N phát hiện 01 cái ví trong túi quần nằm dưới nền gạch gần đầu võng trong phòng khách và kiểm tra thấy có 470.000 đồng nên bỏ lại nhưng bị cáo K lấy và bỏ vào túi quần của mình. Sau đó hai bị cáo đi ra ngoài sân và bàn bạc đi đến thống nhất lấy xe mô tô Future, màu đỏ, biển kiểm soát 69H1-196.11 của anh T đậu trong nhà ở phòng khách. Đến khoảng 01 giờ sáng cùng ngày, hai bị cáo tiếp tục vào nhà anh T để lấy xe máy. Bị cáo K dẫn xe ra ngoài cổng rào bằng đường nhà bếp phía bên hong, còn Nam vào phòng anh T tìm và lấy chìa khóa xe ở trong mùng gần vị trí anh T ngủ. Lấy được chìa khóa Nam cùng Khởi dẫn xe ra lộ bê tông về hướng trường Tiểu học Sáu Đồng thuộc ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh C ., khi dẫn xe được một đoạn khoảng 70 mét thì gặp xe chạy ngược chiều, Khởi chống xe đậu lại mé lộ, đứng quay mặt ra hướng bờ sông. Xe chạy tới là do anh Điệp Văn Nghĩ (em ruột anh T) điều khiển. Khi anh Nghỉ chạy đến phát hiện xe của anh T nên về nhà anh T hỏi có cho ai mượn xe không thì anh T nói không có. Lúc này, Khởi cũng chạy xe về tới nhà anh T. Sự việc được anh Điệp Văn T trình báo cho Công an xã H lập biên bản.

Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐG ngày 03/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M, kết luận tại thời điểm ngày 14/5/2019 giá trị còn lại của 01 xe mô tô hiệu Future đã qua sử dụng, biển kiểm soát 69H1-196.11 có giá trị là 26.448.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 xe Future, màu đỏ ghi, biển kiểm soát 69H1-196.11; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy 010123 tên Điệp Văn T, địa chỉ ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh C .; Tiền mặt 470.000 đồng. Đã trả lại cho anh Điệp Văn T. Hai bị cáo còn khắc phục hậu quả cho anh T mỗi bị cáo 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn K và bị cáo Đặng Văn N khai nhận: bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Vào ngày 14/5/2019, do không có tiền tiêu xài nên khi gặp nhau, bị cáo N rủ bị cáo bị cáo K vào nhà anh T để trộm tiền do bị cáo N biết anh T mới hốt hụi. Đến tối cùng ngày, bị cáo N và bị cáo K cùng nhau ngồi chờ ở ngoài bờ nhà của cho anh T đợi anh T ngủ để vào nhà tìm tiền lấy. Sau khi phát hiện anh T đã ngủ, hai bị cáo đi vào nhà của anh T ở phòng khách phát hiện có 01 ví để tiền trong quần tây để trên gạch gần đầu võng, Nam lục ví nhưng khi phát hiện ví của anh T có ít tiền nên bỏ lại thì bị cáo K lấy số tiền. Sau đó, các bị cáo quay ra ngoài sân và bàn nhau lấy xe của anh T đang đậu trong nhà. Các bị cáo tiếp tục vô nhà anh T để lấy xe, bị cáo K là người dẫn xe, bị cáo N là người tìm chìa khóa xe sau đó cùng với bị cáo K đẩy xe ra khỏi nhà anh T. Sau khi lấy được xe, các bị cáo dẫn đi được 1 đoạn thì gặp

Nghỉ (em của anh T) chạy xe về phát hiện xe của anh T nên bị cáo K chạy xe về nhà của anh T. Sự việc được báo Công an xã lập biên bản.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại anh Điệp Văn T xác định đã nhận lại xe và số tiền bị mất, đã nhận tiền bồi thường của các bị cáo, nhận của mỗi bị cáo 2.000.000 đồng. Về trác nhiệm dân sự anh không yêu cầu gì thêm, về hình phạt anh xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố bị cáo Trương Văn K và Đặng Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương Văn K và Đặng Văn N, xử phạt Trương Văn K và Đặng Văn N mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng cho hưởng án treo; Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã H, huyện M giám sát giáo dục hai bị cáo trong thời gian thử thách. Trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Lời nói sau cùng bị cáo N không có gì để nói, bị cáo K trình bày bị cáo đã biết lỗi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cũng như người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn K và bị cáo Đặng Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng và thừa nhận lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là do các bị cáo tự khai báo, không bị ép buộc hay bị một tác động nào buộc các bị cáo khai, do đó lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và các tài liệu được thu thập là chứng cứ hợp pháp. Các lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại Điệp Văn T, phù hợp với lời khai của những người khác đã được cơ quan điều tra thu thập, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 00 giờ ngày 14/5/2019 tại ấp 8, xã K, huyện U, tỉnh C ., bị cáo Đặng Văn N và bị cáo Trương Văn K cùng nhau đợi anh Điệp Văn T ở trong nhà của mình ngủ để vào nhà anh T lấy trộm tiền. Sau nhiều lần thăm dò, phát

hiện anh T đã ngủ, các bị cáo đã vào nhà anh T tìm kiếm thì phát hiện quần của anh T để gần đầu võng ở phòng khách, bị cáo N lấy được 1 ví tiền để trong túi quần, mở ví phát hiện được 470.000 đồng nên bỏ lại nhưng bị cáo K lấy số tiền này bỏ vào túi quần của mình. Sau đó, hai bị cáo ra ngoài sân bàn bạc lấy xe và thống nhất nên các bị cáo quay vào nhà anh T dẫn xe mô tô hiệu Future, biển kiểm soát 69H1-196.11 đang đậu trong nhà của anh Điệp Văn T. Bị cáo K là người dẫn xe, bị cáo N là người lấy chìa khóa và cùng với Khởi dẫn xe bằng đường bên hong nhà ra khỏi nhà của anh T. Khi dẫn xe của anh T đi được 1 đoạn thì gặp xe của anh Điệp Văn Nghỉ chạy về, anh Nghỉ phát hiện xe của anh T nên ghé nhà anh T hỏi thì biết xe không cho ai mượn, lúc đó bị cáo K dẫn xe quay lại nhà anh T sự việc được báo Công an xã lập biên bản. Kết quả định giá xác định xe biển kiểm soát 69H1-196.11 có giá trị còn lại là 26.448.000 đồng.

[3] Xét thấy các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được việc lén lút lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp pháp luật nhưng do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, sau khi vào nhà anh T tìm kiếm đã lấy được tiền nhưng thấy ít, các bị cáo đã đi ra khỏi nhà nhưng sau đó tiếp tục quay lại để lấy xe, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, giá trị xe được xác định là 26.448.000 đồng và 470.000 đồng tiền mặt.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản được Bộ luật hình sự quy định, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng xem xét tính chất chỉ là bàn bạc giản đơn, không có sự cấu kết chặc chẽ, do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo N và bị cáo K theo khoản 1 của Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo trộm cắp đã trả lại cho người bị hại, các bị cáo đã bồi thường cho bị hại mỗi người số tiền 2.000.000 đồng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Trương Văn K có cha là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên áp dụng cho các bị cáo. Về mức hình phạt đối với mỗi bị cáo, xét thấy bị cáo N là người rủ rê, bị cáo K là người tích cực thực hiện nên mức hình phạt đối với các bị cáo là như nhau.

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, về nhân thân các bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh tại địa phương, các bị cáo và bị hại là người cùng địa phương, có quan hệ làng xóm và thân thích nên hành vi của các bị cáo còn gây hoang mang, mất niềm tin trong quần chúng nhân dân, sau khi đánh giá hành vi của các bị cáo đã thực hiện với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự của các bị cáo xét thấy cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian để các bị cáo được giáo dục học tập để trở thành công dân biết chấp hành pháp luật, thể hiện tính răn đe và phòng ngừa cho toàn xã hội. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét mức hình phạt dưới khung đối với các bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ, tuy nhiên áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là chưa tương xứng với mức độ, hành vi các bị cáo đã thực hiện nên không chấp nhận cho các bị cáo hưởng án treo.

[4] Về trách nhiệm dân sự anh Điệp Văn T đã nhận của Đặng Văn N và Trương Văn K mỗi người 2.000.000 đồng và không có yêu cầu thêm nên không đặt ra xem xét.

[5] Vật chứng thu giữ cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho anh Điệp Văn T là 01 xe mô tô hiệu Future, biển kiểm soát 69H1-196.11 chủ sở hữu và tiền mặt 470.000 đồng là phù hợp.

[6] Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 54 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố: Trương Văn K và Đặng Văn N phạm tội trộm cắp tài sản.

- Xử phạt: Trương Văn K 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt;

- Xử phạt: Đặng Văn N 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt.

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

- Vật chứng vụ án đã được xử lý xong.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc Trương Văn K phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, Đặng Văn N phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS H.U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan THA HS H.U Minh, tỉnh Cà Mau ;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Việt Hằng

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Người bào chữa (nếu có);
- CQĐT huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan THAHS H.U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện M, tỉnh Cà Mau;
- Sở tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Lưu HS,VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng